

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chuyển giao các cơ sở nhà, đất của
các cơ quan Trung ương chuyển giao về UBND tỉnh cho
Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Thanh Hóa quản lý, xử lý**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-CTUBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc chuyển giao tài sản của Bộ Tài chính về UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý, xử lý: Số 897/QĐ-BTC ngày 10/04/2012; số 3804/QĐ-BTC ngày 12/11/2025; số 4255/QĐ-BTC ngày 22/12/2025; số 4403/QĐ-BTC ngày 30/12/2025; số 4461/QĐ-BTC ngày 30/12/2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc chuyển giao cơ sở nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý: Số 2794/QĐ-BTP ngày 12/9/2025; số 3737/QĐ-BTP ngày 29/12/2025; số 534/QĐ-BTP ngày 03/02/2026;

Căn cứ các Quyết định của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc chuyển giao các cơ sở nhà, đất của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa về địa phương quản lý, xử lý: Số 106/QĐ-VKSTC ngày 19/6/2025; số 270/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2025;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TANDTC ngày 12/9/2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc chuyển giao nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý;

Căn cứ Quyết định số 3103/QĐ-NHNN ngày 05/9/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chuyển giao nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý;

Căn cứ Quyết định số 5976/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc chuyển giao nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý;

Căn cứ Kết luận số 238-KL/TU ngày 11/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp, tinh gọn bộ máy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình 4087/TTr-STC ngày 16/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển giao các cơ sở nhà, đất của các cơ quan Trung ương chuyển giao về UBND tỉnh cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Thanh Hóa quản lý, xử lý.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Lý do giao: Theo quy định tại khoản 7 Điều 37 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/ 2025 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của thông tin, số liệu tài sản, nội dung báo cáo, thẩm định, trình phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này

2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Sở Tài chính, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thanh Hóa thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định.

3. Trung tâm Phát triển quỹ đất tổ chức quản lý, lập kế hoạch khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật; chi trả các chi phí có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản (nếu có); tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định tại khoản 7 Điều 37 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí tài sản công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Lê Quang Hùng', written over a horizontal line.

Lê Quang Hùng

Phụ lục
DANH MỤC TÀI SẢN CHUYỂN GIAO CHO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Thông tin cơ sở nhà, đất		Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (theo quyết định chuyển giao)	Giá trị còn lại (theo quyết định chuyển giao)
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)			
1	Cơ sở nhà, đất của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 7	Số 43 Đường Lê Lợi, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa					
1.1	Đất		1.014			14.196.000.000	14.196.000.000
1.2	Nhà			869			
-	Nhà khách và tổ chức các lớp đào tạo (03 tầng)					284.000.000	0
-	Nhà ăn (01 tầng)					20.444.000	0
-	01 nhà (01 tầng)					48.000.000	0
2	Cơ sở nhà, đất Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa (cũ)	Xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa					
2.1	Đất		860			6.880.000.000	6.880.000.000
2.2	Nhà						
-	Nhà làm việc			222	2012	495.905.000	16.923.136
-	Nhà kho vật chứng			320	2012	4.478.664.000	326.942.114

Số TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Thông tin cơ sở nhà, đất		Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (theo quyết định chuyển giao)	Giá trị còn lại (theo quyết định chuyển giao)
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)			
3	Cơ sở nhà, đất Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn (cũ)	Khu phố Sơn Thắng, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa					
3.1	Đất		1.200		2008	8.400.000.000	8.400.000.000
3.2	Nhà			290	2008	2.738.139.000	
4	Cơ sở nhà, đất Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung (cũ)	Xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa					
4.1	Đất		1.068,7		2004	4.809.150.000	4.809.150.000
4.2	Nhà						
-	Nhà làm việc			251	2004	1.125.317.000	209.540.356
-	Nhà kho vật chứng			310	2023	2.940.893.128	2.548.577.984
5	Cơ sở nhà, đất Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định (cũ)	Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa					
5.1	Đất		720		2004	2.160.000.000	2.160.000.000
5.2	Nhà			251	2004	814.901.000	
6	Cơ sở nhà, đất Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân (cũ)	Thôn Thăng Bình, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa					

Số TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Thông tin cơ sở nhà, đất		Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (theo quyết định chuyển giao)	Giá trị còn lại (theo quyết định chuyển giao)
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)			
6.1	Đất		2.000		2024	12.968.800.000	12.968.800.000
6.2	Nhà			571	2024	8.997.614.000	1.795.923.755
7	Cơ sở nhà, đất Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc (cũ)	Xã Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa					
7.1	Đất		1.050		2009	1.680.000.000	1.680.000.000
7.2	Nhà						
-	Nhà làm việc			290	2009	3.329.122.000	21.431.456
-	Nhà kho vật chứng			150	2010	777.441.000	56.752.884
8	Cơ sở nhà, đất của Chi cục Hải quan khu vực X: Nhà nghỉ Hải quan Sầm Sơn	Số 29 đường Hồ Xuân Hương, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa					
8.1	Đất		1.790		2007	35.800.000.000	35.800.000.000
8.2	Nhà						
-	Nhà nghỉ hải quan Sầm Sơn			2.600	1992	7.949.199.171	
-	Nhà để máy phát điện			20	1995	70.288.856	
-	Tủ điện hạ áp (tài sản cố định khác)				2013	24.500.000	

Số TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Thông tin cơ sở nhà, đất		Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (theo quyết định chuyển giao)	Giá trị còn lại (theo quyết định chuyển giao)
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)			
9	Đội Thuế phường Điện Biên - Thuế cơ sở 1 - (Chi cục Thuế thành phố Thanh Hóa, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa cũ)	Đường Ngô Quyền, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa					
9.1	Đất		80			2.000.000.000	2.000.000.000
10	Đội Thuế Chợ Bím Sơn - Thuế cơ sở 4 (Chi cục Thuế khu vực Bím Sơn - Hà Trung, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa cũ)	Phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hoá					
10.1	Đất		181,7		2007	1.526.280.000	1.526.280.000
10.2	Nhà						
-	Nhà làm việc đội thuế chợ địa bàn Bím Sơn			60	1991	65.749.000	
-	Bếp đội thuế chợ Bím Sơn			13	1991	148.561.000	
-	Nhà để xe máy (vật kiến trúc)			25	1992	6.394.000	
11	Đội Thuế thị trấn Hà Trung - Thuế cơ sở 4 (Chi cục Thuế khu vực Bím Sơn - Hà Trung, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa cũ)	Xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá					
11.1	Đất		605		2007	4.235.000.000	4.235.000.000

Số TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Thông tin cơ sở nhà, đất		Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (theo quyết định chuyển giao)	Giá trị còn lại (theo quyết định chuyển giao)
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)			
11.2	Nhà						
-	Nhà làm việc đội thuế Thị trấn Hà Trung			87	2005	134.120.000	
-	Nhà bếp đội thuế Thị trấn Hà Trung			18	1972	103.258.000	41.788.837
-	Tường rào (vật kiến trúc)			123	1996	16.307.000	
12	Đội thuế Cù - Thuế cơ sở 4 (Chi cục Thuế khu vực Bim Sơn- Hà Trung, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa cũ)	Xã Hoạt Giang, tỉnh Thanh Hoá					
12.1	Đất		427		2007	1.494.500.000	1.494.500.000
12.2	Nhà			71	2005	108.507.000	
13	Bộ phận Một cửa Bá Thước (Trung tâm Văn hóa huyện Bá Thước cũ) - Thuế cơ sở 9 (Chi cục Thuế khu vực Cẩm Thủy - Bá Thước, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa cũ)	Phố 1, xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá					
13.1	Đất		676		2024	9.734.400.000	9.734.400.000
13.2	Nhà			272,7			

Số TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Thông tin cơ sở nhà, đất		Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (theo quyết định chuyển giao)	Giá trị còn lại (theo quyết định chuyển giao)
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)			
-	Nhà 2 gian Bộ phận Một cửa Bá Thước (Trung tâm Văn hóa huyện Bá Thước cũ)				2024	90.506.000	
-	Nhà 3 gian Bộ phận Một cửa Bá Thước (Trung tâm Văn hóa huyện Bá Thước cũ)				2024	192.195.000	
-	Nhà cấp 4 Bộ phận Một cửa Bá Thước (Trung tâm Văn hóa huyện Bá Thước cũ)				2024	230.239.000	
-	Khu vệ sinh Bộ phận Một cửa Bá Thước (Trung tâm Văn hóa huyện Bá Thước cũ)				2024	18.000.000	
14	Đội Thuế Kiên Thọ (Ba si) - Thuế cơ sở 10 (Chi cục Thuế khu vực Ngọc Lặc - Lang Chánh, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa cũ)	Xã Kiên Thọ, tỉnh Thanh Hóa					
14.1	Đất		175		2007	262.500.000	262.500.000
14.2	Nhà			81	1991	75.069.000	

15	Đội Thuế Yên Cát - Thuế cơ sở 12 (Chi cục Thuế khu vực Như Thanh - Như Xuân, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa cũ)	Xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa					
15.1	Đất		350		2007	1.750.000.000	1.750.000.000
15.2	Nhà			120	2009	324.484.464	
16	Đội Thuế Bãi Trành - Thuế cơ sở 12 (Chi cục Thuế khu vực Như Thanh - Như Xuân, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa cũ)	Xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hoá					
16.1	Đất		162		2007	153.900.000	153.900.000
16.2	Nhà			162,5	2012	661.550.304	92.418.577
17	Trụ sở làm việc của Thống kê cơ sở Lưu Vê thuộc Thống kê tỉnh Thanh Hóa (Trụ sở làm việc của Đội Thống kê số 2 thuộc Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa cũ)	Số 20 Lê Lợi, tổ dân phố Thành Ngọc, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa					
17.1	Đất		1.672		1988	7.022.400.000	7.022.400.000
17.2	Nhà			802,2	1988	3.570.592.200	211.648.146
18	Cơ sở đất của Thống kê cơ sở Thường Xuân thuộc Thống kê tỉnh Thanh Hóa (Trụ sở làm việc của Đội Thống kê số 11 thuộc Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa cũ)	Thôn 4, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa					

18.1	Đất		1.000		2023	289.000.000	289.000.000
19	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Sầm Sơn (cũ)	Khu phố Sơn Thắng, đường Lê Lợi, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa					
19.1	Đất		2.000		2014	20.800.000.000	20.800.000.000
19.2	Nhà			1.561			
-	Nhà làm việc			1.100	2014	12.609.409.241	7.276.042.343
-	Nhà để máy bơm			20	2014	133.382.430	35.746.490
-	Nhà để xe			42	2014	31.227.615	8.369.000
-	Nhà phụ trợ			385	2014	3.059.907.555	820.055.224
-	Nhà trực bảo vệ			14	2014	120.550.220	32.307.457
19.3	Tài sản khác						
-	Bể nước ngầm năm 2014				2014	57.903.038	26.056.366
-	Sân vườn tổng thể				2014	320.070.347	144.031.657
-	Hàng rào năm 2014				2014	596.952.294	
-	Cổng ra vào năm 2014				2014	10.257.084	
-	Hệ thống cấp nước sạch 2014				2014	183.458.734	
-	Hệ thống bàn quầy giao dịch				2014	130.148.125	
-	Cửa kho tiền				2014	47.413.209	
-	Hệ thống mạng Tin học và mạng điện thoại				2014	117.367.800	

-	Máy bơm nước dự phòng chữa cháy Pentax				2014	13.250.470	
-	Máy bơm nước dự phòng chữa cháy Shine SLW32				2014	12.250.470	
-	Hệ thống báo động báo cháy năm 2014				2014	51.554.389	
-	Hệ thống phòng cháy chữa cháy năm 2014				2014	50.494.105	
-	Hệ thống cây xanh thăm cỏ năm 2014				2014	78.725.387	
-	Trạm biến áp và đường dây điện				2014	470.051.919	
19.4	Công cụ dụng cụ						
-	Dinh phòng cháy chữa cháy				2016	2.000.000	
-	Bục phát biểu				2014	3.250.000	
-	Phòng Hội trường				2014	9.923.252	
20	Cơ sở nhà, đất của Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa	Phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa					
20.1	Đất		700		2001	4.200.000.000	4.200.000.000
20.2	Nhà						
-	Nhà làm việc số 1			232	2001	476.711.900	
-	Nhà làm việc số 2			32.0	2009	91.191.000	
-	Tường bảo vệ (vật kiến trúc)					30.874.000	

21	Cơ sở nhà, đất của Bảo hiểm xã hội cơ sở Kim Tân thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa	Xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa					
21.1	Đất		1.200		2008	4.800.000.000	4.800.000.000
21.2	Nhà						
-	Nhà làm việc 2 tầng			370	2008	1.668.801.800	
-	Nhà trực bảo vệ			11,7	2014	94.031.000	25.200.000
-	Nhà cấp IV-C			119	2008	349.158.000	
22	Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn (cũ)	Phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa					
22.1	Đất		793,3			1.749.000.000	1.749.000.000
22.2	Nhà			688,3			
-	Nhà số 1			285	1999	1.065.969.000	
-	Nhà số 3			105	1999	767.206.600	58.614.540
-	Nhà bảo vệ			18	2009	73.984.200	5.652.380
-	Cổng tường rào			280,3	2009	251.754.900	
23	Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương (cũ)	Số 44 đường Tổ Hữu, xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa					
23.1	Đất		1.094,7		1990	1.368.000.000	1.368.000.000
23.2	Nhà						
-	Nhà làm việc			518	2009	3.201.981.000	244.631.350

-	Nhà công vụ			120	2009	768.714.000	58.729.750
-	Nhà bảo vệ			11	2009	66.187.000	5.056.690
-	Nhà để xe			29	2009	30.298.000	2.314.770
-	Sân, rào, giếng, bể					337611000	
24	Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn (cũ)	Số 09 đường Tây Sơn, Phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá					
24.1	Đất		2.656		1990	5.312.000.000	5.312.000.000
24.2	Nhà			1.404			
-	Nhà xe			30	1992	24.486.000	1.870.730
-	Nhà số 3			880	1992	448.831.000	
-	Nhà lưu trú công vụ			105	2009	646.997.000	49.430.570
-	Nhà số 1			390		561.947.000	
-	Nhà bảo vệ			9	2009	52.279.000	3.994.120
25	Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung (cũ)	Tiểu khu 6, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá					
25.1	Đất		2.493			4.487.000.000	4.487.000.000
25.2	Nhà			380			
-	Nhà số 1			261	1999	915.038.000	
-	Nhà xe			30	2011	22.000.000	4.540.800
-	Nhà bảo vệ			14	2011	62.800.000	12.961.920
-	Nhà số 2			75		142.100.000	
-	Cổng tường rào				2009	330.000.000	

26	Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn (cũ)	Tổ dân phố 5, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa					
26.1	Đất		1.177		2002	729.740.000	729.740.000
26.2	Nhà			459,8			
-	Nhà số 1			263	2002	591.985.000	
-	Nhà số 2			102	2002	214.200.000	
-	Nhà ăn			94,8	2021		
27	Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân (cũ)	Số 231 Lê Lợi, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa					
27.1	Đất		1.100		2007	1.110.000.000	1.110.000.000
27.2	Nhà			416			
	Nhà làm việc			250	2007	1.253.391.700	
-	Nhà công vụ			166	2007	763.742.600	480.360.000
28	Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân (cũ)	Xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá					
28.1	Đất		847,1		2005	508.260.000	508.260.000
28.2	Nhà			836,6			
-	Nhà làm việc			310	2005	1.059.671.000	
-	Nhà lưu trú công vụ			100	2005	306.971.000	
-	Sân bê tông			426,6	2005	184.671.000	

29	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa (Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn cũ)	Đường Lê Thế Long, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá					
29.1	Đất		900			1.980.000.000	1.980.000.000
29.2	Nhà			464,2		2.685.094.000	1.020.335.720
30	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa (Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương cũ)	Số 46 thôn 2, xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hoá					
30.1	Đất		1.619,1			5.837.078.936	5.837.078.936
30.2	Nhà			710		2.381.893.000	
31	Thị hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (Chi cục Thị hành án dân sự huyện Đông Sơn cũ)	Khu phố Cao Sơn, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa					
31.1	Đất		600		2010	3.300.000.000	3.300.000.000
31.2	Nhà			730	2010	3.225.446.000	
32	Cơ sở nhà, đất là Kho bạc Nhà nước Nga Sơn (cũ) thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Số 23 đường Tiên Phước, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa					
32.1	Đất		2.000		2006	7.000.000.000	7.000.000.000
32.2	Nhà			1.069			
-	Nhà làm việc			700	2006	2.600.159.785	748.924.381
-	Nhà trực bảo vệ			14	2006	43.320.763	
-	Nhà phụ trợ			260	2006	863.081.805	11.220.064

-	Nhà để xe			95	2006	29.194.311	
32.3	Tài sản khác						
-	Máy bơm nước dự phòng chữa cháy năm 2019				2019	27.600.000	6.900.000
-	Bể nước sạch				2009	22.000.000	4.400.000
-	Bể nước				2006	30.635.549	3.063.556
-	Sân đường nội bộ rãnh thoát nước				2006	263.004.938	26.300.493
-	Cổng, tường rào				2006	504.597.798	0
-	Thiết bị báo động				2001	14.600.000	0
-	Quầy giao dịch KB Nga Sơn				2022	98.904.000	63.581.142
-	Tượng Bác Hồ				2018	27.539.309	3.442.411
33	Thuế cơ sở 1 (Đội Thuế An Hoạch), phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa					
33.1	Đất		130				
33.2	Nhà			59,4			
34	Chi cục Kiểm lâm Vùng II - Cơ sở 2	Số 02 Trần Hưng Đạo, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa	7.360	1.780			
35	Trạm Thủy văn Hoàng Tân (cũ)	Xã Hoàng Lộc, tỉnh Thanh Hóa	2.995,6				
36	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc (cũ)	Xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa					

36.1	Đất		500		2001	2.000.000.000	2.000.000.000
36.2	Nhà			160	2001	436.000.000	
37	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành (cũ)	Xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa					
37.1	Đất		1.755		2009	5.616.000.000	5.616.000.000
37.2	Nhà			251	2009	3.524.941.000	313.798.070
38	Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa (cũ)	Số 40 Trần Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa					
38.1	Đất		738			8.856.000.000	8.856.000.000
38.2	Nhà			992		867.287.000	0